ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 118 /TB-UBND	*Đại Đồng, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

THÔNG BÁO
V/v công khai thông tin về bán đấu giá đất

1. Người có tài sản đấu giá: UBND xã Đại Đồng. Địa chỉ: Thôn Đại Từ, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

2. Tên tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

3. Nguồn gốc tài sản, giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đấu giá: Tài sản đấu giá căn cứ theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng.

4. Danh mục suất đất, hình thức, phương thức đấu giá:

Tài sản đấu giá	Số lượng	Diện tích (m^2)	Hình thức đấu giá	Phương thức đấu giá
Quyền sử dụng 16 suất đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Đồng Xá (nay là thôn Đồng Tiến), thôn Mễ Đậu (nay là thôn Mễ Đình), thôn Thục Cầu (nay là thôn Việt Hưng), xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên	16 suất đất	Tổng diện tích: 1.579,80 m^2; Diện tích mỗi thửa (suất) đất từ 80,20 m^2 đến 200,00 m^2	Đấu giá từng nhóm suất đất bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp 01 (một) vòng	Phương thức trả giá lên

5. Thông tin chi tiết việc đấu giá tài sản:

Hồ sơ mời tham gia đấu giá được đăng tải công khai, đề nghị người tham gia đấu giá đến Trung tâm dịch vụ hành chính công xã hoặc phòng Kinh tế xã mua hồ sơ tham gia đấu giá./.

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ngành, cơ quan liên quan xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chương

BẢNG KÊ CHI TIẾT 16 THỬA ĐẤT ĐẤU GIÁ

STT	Ký hiệu Suất đất	Diện tích (m²)	Giá khởi điểm (đồng/m²)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
I	**Nhóm I: 13 suất đất tại Thôn Đồng Xá (nay là thôn Đồng Tiến)**					
1	2.5	80,20	15.000.000	1.203.000.000	350.000.000	200.000
2	2.6	81,60	15.000.000	1.224.000.000	350.000.000	200.000
3	2.7	83,00	15.000.000	1.245.000.000	350.000.000	200.000
4	2.8	84,40	15.000.000	1.266.000.000	350.000.000	200.000
5	2.9	85,80	15.000.000	1.287.000.000	350.000.000	200.000
6	2.10	87,20	15.000.000	1.308.000.000	350.000.000	200.000
7	2.11	88,6	15.000.000	1.329.000.000	350.000.000	200.000
8	2.12	90	15.000.000	1.350.000.000	350.000.000	200.000
9	2.13	91,4	15.000.000	1.371.000.000	350.000.000	200.000
10	2.14	92,8	15.000.000	1.392.000.000	350.000.000	200.000
11	2.15	94,2	15.000.000	1.413.000.000	350.000.000	200.000
12	2.16	95,6	15.000.000	1.434.000.000	350.000.000	200.000
13	2.17	120,5	15.000.000	1.807.500.000	350.000.000	200.000
II	**Nhóm II: 02 suất đất tại Thôn Mễ Đậu (nay là thôn Mễ Đình)**					
14	27	110	15.000.000	1.650.000.000	350.000.000	200.000
15	42	94,5	15.000.000	1.417.500.000	350.000.000	200.000
III	**Nhóm III: 01 suất đất tại Thôn Thục Cầu (nay là thôn Việt Hưng),**					
16	16	200,00	11.000.000	2.200.000.000	350.000.000	200.000
TỔNG HỢP		**1.579,80**		**22.897.000.000**	**5.600.000.000**	